

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng
Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2023/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Bùi N, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 12/6/2023 nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày:

Ông và bà Bùi N có tổ chức lễ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 06/02/2020. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng ông sống rất vui vẻ và hạnh phúc, nhưng sau xảy ra nhiều mâu thuẫn do bà N nghiện các trò chơi điện tử, không lo làm ăn và chăm sóc gia đình, còn thường xuyên nhảm tin qua lại với người khác giới dẫn đến vợ chồng ông thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn càng ngày càng gay gắt, vợ chồng ông đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể nên đã ly thân với nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay. Ông H yêu cầu ly hôn với bà Bùi N.

Ông và bà Bùi N chưa có con chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Còn về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ngoài ra ông có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do ông bận đi học quân sự nên không thể tham gia mỗi khi tòa án triệu tập.

2/ Theo tờ tường trình lập ngày 31/7/2023, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Bùi N trình bày: bà thống nhất về lời trình bày của ông Nguyễn H về quan hệ hôn nhân, hai vợ chồng bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết nên bà và ông H đã ly thân với nhau từ tháng 6/2022 đến nay, nay ông H yêu cầu ly hôn với bà thì bà cũng thống nhất; hai vợ chồng bà chưa có con chung không có yêu cầu Tòa án xem xét; về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H và bà Bùi N được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 06/02/2020 ông H và bà N là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng của ông H và bà N, theo ông H cho rằng quan vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn do bà N nghiện các trò chơi điện tử, không lo làm ăn và chăm sóc gia đình, còn thường xuyên nhả tin qua lại với người khác giới dẫn đến vợ chồng ông thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn càng ngày càng gay gắt, vợ chồng ông đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể nên đã ly thân với nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay và ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà N. Còn bà N tại phiên tòa cũng có ý kiến thống nhất ly hôn với ông H. Xét thấy, nền tảng của mỗi quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông H và bà N đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, cho ông H được ly hôn với bà N.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn H và bà Bùi N đều trình bày ông bà chưa có con chung, không có yêu cầu Tòa án xem xét cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009285 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà Bùi N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H được ly hôn với bà Bùi N.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: ông Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009285 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà Bùi N không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án còn đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã A, huyện H, Bạc Liêu;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng